

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	6,759,140
A.1	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4,259,641
I	Chi đầu tư phát triển	1,643,069
	Chi đầu tư cho các dự án	1,643,069
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	504,713
	<i>Trong đó: Chi từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại</i>	9,600
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1,035,056
	<i>Trong đó: Chi từ nguồn thu từ các dự án đấu giá do cấp tỉnh thực hiện để đầu tư các dự án trọng điểm của tỉnh</i>	500,000
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35,000
4	Chi từ nguồn bồi chi	68,300
II	Chi thường xuyên	2,496,856
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	642,417
1.1	Chi sự nghiệp giáo dục	524,136
	<i>Trong đó:</i>	
	- Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	390
	- Hỗ trợ học sinh tiểu học, THCS, THPT bán trú, trường bán trú vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	50,541
	- Học bổng học sinh dân tộc nội trú	52,138
	- Hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	15,665
	- HT thực hiện chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	0
	- Hỗ trợ học sinh khuyết tật	805
1.2	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	118,281
	<i>Trong đó:</i>	
	- Cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	14,534
	- Kinh phí thực hiện Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg	22,291
2	Chi khoa học và công nghệ	14,569
3	Chi quốc phòng	103,862
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	47,950
5	Chi y tế, dân số và gia đình	755,810
	<i>Trong đó:</i>	
	- Kinh phí mua thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.	66,742
	- Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nghèo và DTTS	309,862
	- Hỗ trợ BHYT cho học sinh sinh viên	11,534
	<i>Tr.đó: + Trung ương bổ sung</i>	6,920
	<i>+ Ngân sách địa phương hỗ trợ</i>	4,614
	- Hỗ trợ BHYT hộ gia đình cận nghèo, hộ làm nông lâm nghiệp có mức sống trung bình	14,069
	<i>Tr.đó: + Trung ương bổ sung có mục tiêu</i>	9,194
	<i>+ Ngân sách địa phương hỗ trợ</i>	4,875
	- Hỗ trợ BHXH tự nguyện	9,860
	- BHYT Cựu chiến binh, thanh niên xung phong	3,547
	- BHYT cho đối tượng BHXH	8,250
	- Kinh phí thực hiện Đề án điều trị cai nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone	2,000
6	Chi văn hóa thông tin	60,601
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	22,607
8	Chi thể dục thể thao	8,075
9	Chi bảo vệ môi trường	5,751
10	Chi các hoạt động kinh tế	282,489
	<i>+ Vốn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp</i>	3,600

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	+ Kinh phí khuyến nông	4,000
	+ Hỗ trợ tiền sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi	14,658
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	429,266
12	Chi bảo đảm xã hội	71,235
	Trong đó:	
	- Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	900
	- Chính sách hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số	5,836
13	Chi thường xuyên khác	52,224
	Trong đó:	
	- Tăng thu so với trung ương giao để chi thường xuyên khác	13,410
	- Tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương	10,000
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3,600
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000
V	Dự phòng ngân sách	83,826
	Trong đó: Dự phòng thu đầu giá đất cấp tỉnh thực hiện	23,524
VI	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	31,290
A.2	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2,499,499
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	270,568
	- Vốn đầu tư	158,245
	- Vốn sự nghiệp	112,323
1	Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	170,700
	- Vốn đầu tư	83,296
	- Vốn sự nghiệp	87,404
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	78,103
	- Vốn đầu tư	61,584
	- Vốn sự nghiệp	16,519
3	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	21,765
	- Vốn đầu tư	13,365
	- Vốn sự nghiệp	8,400
II	Chi bổ sung có mục tiêu (vốn đầu tư phát triển)	2,148,294
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	304,394
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	1,843,900
III	Chi bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp)	80,637
1	Chi sự nghiệp từ nguồn vốn nước ngoài	14,370
2	Kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; chương trình phát triển công tác xã hội	200
3	Hỗ trợ Hội văn học nghệ thuật địa phương	442
4	Hỗ trợ Hội nhà báo địa phương	160
5	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	4,575
6	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	1,598
7	Bồi dưỡng cán bộ, công chức hội Liên hiệp phụ nữ các cấp và chi hội trưởng hội phụ nữ	230
8	Hỗ trợ thực hiện một số Đề án, Dự án khoa học và công nghệ	3,500
9	Vốn dự bị động viên	10,000
10	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	45,562
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	68,300
C	VAY ĐỂ TRẢ NỢ GỐC	9,600